TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2023/DS-ST
Ngày: 25/8/2023
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Cẩm Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng;

2. Ông Đoàn Trung Hiếu.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trung N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp HD, xã NM, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Thủy T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp ĐH, xã TĐ, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Nguyễn Trung N có mặt, chị Phạm Thị Thủy T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ngày, nguyên đơn anh Nguyễn Trung N trình bày:

Ngày 20/10/2022, chị T có mượn của anh N số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) có viết biên nhận. Chị T nói với anh N là mượn đi khám bệnh và hứa

ngày 25/10/2022 sẽ trả tiền lại cho anh N, hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng chị T có nói sẽ gửi tiền cho anh N uống cà phê. Vì là chỗ bạn bè quen biết với vợ chồng anh N nên anh N tin tưởng cho mượn tiền để khám bệnh lúc khó khăn.

Đến ngày hẹn trả tiền nhưng chị T không trả mà còn thách thức anh N kêu anh N ra chém lộn để trừ nợ. Anh N đã nhiều lần gặp mặt yêu cầu chị T trả tiền nhưng chị T vẫn không chịu trả, anh N có làm đơn gửi đến Ban hòa giải của ấp và xã nhưng chị T không đến tham dự, vắng mặt nhiều lần (đã có lập biên bản). Nay anh N yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết buộc chị Phạm Thị Thủy T trả cho anh N số tiền gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn Phạm Thị Thủy T: Tòa án nhân dân thành phố C đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Phạm Thị Thủy T nhưng chị T không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng và người tham gia tố tụng khác: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng và người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Trung N, buộc bị đơn Phạm Thị Thủy T trả cho anh Nguyễn Trung N số tiền vốn vay 30.000.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay, ngoài ra nguyên đơn và bị đơn cũng không có yêu cầu nào khác nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Phạm Thị Thủy T có địa chỉ tại

Tổ 10, ấp ĐH, xã TĐ, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị Phạm Thị Thủy T nhưng chị Phạm Thị Thủy T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với việc anh Nguyễn Trung N yêu cầu bị đơn Phạm Thị Thủy T trả số tiền vốn vay 30.000.000 đồng:

Hội đồng xét xử nhận định, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, anh Nguyễn Trung N cung cấp Giấy thỏa thuận mượn tiền đề ngày 20/10/2022. Theo Giấy thỏa thuận mượn tiền do nguyên đơn cung cấp có thể hiện nội dung anh Nguyễn Trung N có cho chị Phạm Thị Thủy T mượn số tiền 20.000.000 đồng, chị T mượn thêm 10.000.000 đồng, tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Biên nhận có chữ ký tên và chữ viết họ tên người mượn tiền Phạm Thị Thủy T.

Anh Nguyễn Trung N xác định trong giấy mượn tiền đề ngày 20/10/2022, chị Phạm Thị Thủy T là người ghi dòng chữ "Phạm Thị Thủy T 20.000.000", chị T là người ký tên và viết họ tên người mượn tiền Phạm Thị Thủy T. Đối với các dòng chữ khác là do anh N viết. Từ khi vay tiền cho đến nay, chị T có gửi cho anh N được 300.000 đồng tiền để uống cà phê, anh N không đồng ý khấu trừ số tiền chị T đã đưa vào số tiền vốn vay và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các văn bản tố tụng khác cho chị Phạm Thị Thủy T. Tuy nhiên, chị T không cung cấp cho Tòa án văn bản ý kiến hay tài liệu chứng cứ thể hiện việc phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó."*

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định chị Phạm Thị Thủy T có vay của anh Nguyễn Trung N số tiền 30.000.000 đồng là có thật và việc chị T không thực hiện việc trả tiền cho anh Nguyễn Trung N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, việc anh Nguyễn Trung N yêu cầu chị Phạm Thị Thủy T trả số tiền vốn vay 30.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, buộc chị T trả cho anh N số tiền 30.000.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Trung N, buộc bị đơn

Phạm Thị Thủy T trả cho anh Nguyễn Trung N số tiền vốn vay 30.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp như đã nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Trung N nên bị đơn Phạm Thị Thủy T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung N về việc yêu cầu chị Phạm Thị Thủy T trả số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Buộc chị Phạm Thị Thủy T có nghĩa vụ phải trả cho anh Nguyễn Trung N số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Thủy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Trung N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0012200 ngày 12/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Cẩm Hừng